

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Số:
ĐẾN Ngày: 25/05/2021
Chuyển: ...
Số: 952/QĐ-SGDĐT
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2021-2022 loại hình công lập

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021-2022;

Căn cứ tình hình cơ sở vật chất, mạng lưới trường lớp và yêu cầu phát triển giáo dục - đào tạo trên địa bàn Thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 05/TTr-KHTC-TS ngày 20 tháng 4 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

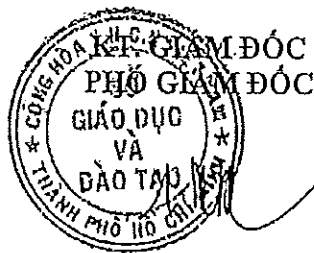
Điều 1. Nay giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2021-2022 cho các trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học, loại hình công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ, Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Trưởng phòng Giáo dục Trung học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Hiệu trưởng các trường có tên nơi điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Giám đốc Sở "để báo cáo";
- Lưu: VT, (KHTC_Cường)

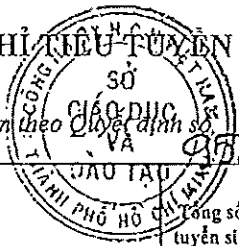


Lê Hoài Nam

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2021-2022

(HỆ CÔNG LẬP)

(Đính kèm theo Quyết định số 952/QĐ-SGDĐT ngày 20/4/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo)



STT	Tên đơn vị	Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2021-2022		Trong đó:									Ghi chú	
				Lớp 10 thường		Lớp 10 Song ngữ, NN1 tiếng Đức		Lớp 10 tích hợp		Lớp 10 chuyên, năng khiếu TĐTT				
		Tổng số lớp 10	Tổng số HS lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu		
1	THPT Thủ Thiêm	13	585	13	585									
2	THPT Giồng Ông Tố	13	585	13	585									
3	THPT Nguyễn Văn Tăng	14	630	14	630									
4	THPT Nguyễn Huệ	15	675	15	675									
5	THPT Long Trường	12	540	12	540									
6	THPT Phước Long	13	585	13	585									
7	THPT Dương Văn Thi	9	405	9	405									
8	THPT Bình Chiểu	12	540	12	540									
9	THPT Nguyễn Hữu Huân	18	740	11	495			2	70	5	175	Văn (35), Toán (35), Lý (35), Hóa (35), Tiếng Anh (35).		
10	THPT Thủ Đức	17	755	16	720			1	35					
11	THPT Hiệp Bình	15	675	15	675									
12	THPT Linh Trung	15	675	15	675									
13	THPT Đào Sơn Tây	14	630	14	630									
14	THPT Tam Phú	13	585	13	585									
15	Phổ thông Năng khiếu thể thao Olympic	2	70							2	70	NK TĐTT.		
16	THPT Trưng Vương	15	675	15	675									
17	THPT Bùi Thị Xuân	16	700	14	630			2	70					
18	THPT Ten Lơ Man	13	585	13	585									
19	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	15	545	2	90	1	35	3	105	9	315	Văn (35), Toán (35), Lý (35), Hóa (35), Sinh (35), Tin (35), Tiếng Anh (105).	NN1 Tiếng Đức	
20	THPT Lương Thế Vinh	9	395	6	290			3	105					
21	THPT Năng Khiếu TĐTT	5	150							5	150	NK TĐTT.		
22	Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm	9	405	9	405									
23	THPT Lê Quý Đôn	15	450	15	450									
24	THPT Marie Curie	30	1.000	29	955	1	45							FIEF
25	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	16	690	13	585	2	70	1	35					FIEF
26	THPT Nguyễn Thị Diệu	13	585	13	585									
27	THPT Nguyễn Hữu Thọ	15	675	15	675									
28	THPT Nguyễn Trãi	14	630	14	630									
29	THPT chuyên Lê Hồng Phong	26	890	4	180	1	45	2	70	19	595	Văn (70), Toán (105), Lý (70), Hóa (70), Sinh (35), Tin (35), Tiếng Anh (105), Tiếng Trung (15), Tiếng Nhật (20), Tiếng Pháp (35), Sử (17), Địa (18).	FIEF	

STT	Tên đơn vị	Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2021-2022		Trong đó:									Ghi chú
				Lớp 10 thường		Lớp 10 Song ngữ, NN1 tiếng Đức		Lớp 10 tích hợp		Lớp 10 chuyên, năng khiếu TDTT			
		Tổng số lớp 10	Tổng số HS lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu	
30	Trung học Thực hành Đại học Sư phạm	8	295	5	190					3	105	Văn (35), Toán (35), Tiếng Anh (35).	
31	Phổ thông Năng Khiếu - ĐHQG Tp. HCM	17	600	4	145					13	455	Văn (70), Toán (70), Lý (70), Hóa (70), Sinh (70), Tin (35), Tiếng Anh (70).	
32	THPT Trần Khai Nguyên	18	810	18	810								
33	THPT Trần Hữu Trang	8	360	8	360								
34	THPT Hùng Vương	23	1.035	23	1.035								
35	Trung học thực hành Sài Gòn	4	140	4	140								
36	THPT Phạm Phú Thứ	15	675	15	675								
37	THPT Bình Phú	15	675	15	675								
38	THPT Nguyễn Tất Thành	16	720	16	720								
39	THPT Mạc Đĩnh Chi	24	1.020	18	810					6	210	Văn (35), Toán (35), Lý (35), Hóa (35), Sinh (35), Tiếng Anh (35).	
40	Trường Quốc tế Việt Nam - Phần Lan	1	24	1	24								
41	THPT Ngô Quyền	14	630	14	630								
42	THPT Lê Thánh Tôn	13	585	13	585								
43	THPT Tân Phong	14	630	14	630								
44	THPT Nam Sài Gòn	4	180	4	180								
45	THPT Lương Văn Can	10	450	10	450								
46	THPT Tạ Quang Bửu	14	630	14	630								
47	THPT Nguyễn Văn Linh	12	540	12	540								
48	THPT Võ Văn Kiệt	13	585	13	585								
49	THPT Ngô Gia Tự	14	630	14	630								
50	THPT Chuyên Năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	13	555	10	450					3	105	NK.TDĐT.	
51	THPT Nguyễn An Ninh	15	675	15	675								
52	THPT Nguyễn Khuyến	15	675	15	675								
53	THPT Nguyễn Du	17	510	17	510								
54	THCS và THPT Sương Nguyệt Anh	5	225	5	225								
55	THCS và THPT Diên Hồng	8	360	8	360								
56	THPT Trần Quang Khải	18	810	18	810								
57	THPT Nguyễn Hiền	14	420	14	420								
58	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	17	765	17	765								
59	THPT Võ Trường Toản	15	675	15	675								
60	THPT Trương Chính	18	810	18	810								
61	THPT Thạnh Lộc	14	630	14	630								
62	THPT Nguyễn Thượng Hiền	18	730	10	450			3	105	5	175	Văn (35), Toán (35), Lý (35), Hóa (35), Tiếng Anh (35).	
63	THPT Nguyễn Thái Bình	16	720	16	720								
64	THPT Nguyễn Chí Thanh	16	720	16	720								
65	THPT Trần Phú	15	675	15	675								
66	THPT Lê Trọng Tấn	15	675	15	675								
67	THPT Tân Bình	15	675	15	675								

WZ

STT	Tên đơn vị	Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2021-2022		Trong đó:									Ghi chú	
				Lớp 10 thường		Lớp 10 Song ngữ, NN1 tiếng Đức		Lớp 10 tích hợp		Lớp 10 chuyên, năng khiếu TDTT				
		Tổng số lớp 10	Tổng số HS lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu		
68	THPT Tây Thạnh	20	900	20	900									
69	THPT Gò Vấp	14	630	14	630									
70	THPT Trần Hưng Đạo	20	880	18	810			2	70					
71	THPT Nguyễn Công Trứ	19	855	19	855									
72	THPT Nguyễn Trung Trục	19	855	19	855									
73	THPT Võ Thị Sáu	20	890	19	855			1	35					
74	THPT Phan Đăng Lưu	15	675	15	675									
75	THPT Hoàng Hoa Thám	18	810	18	810									
76	THPT Trần Văn Giàu	15	675	15	675									
77	THPT Gia Định	21	855	12	540			3	105	6	210	Văn (35), Toán (35), Lý (35), Hóa (35), Tin (35), Tiếng Anh (35).		
78	THPT Thanh Đa	14	630	14	630									
79	THPT Phú Nhuận	19	825	16	720			3	105					
80	THPT Quốc tế Việt Úc	4	90	4	90									
81	THPT Hàn Thuyên	13	545	13	545									
82	THPT An Lạc	15	675	15	675									
83	THPT Bình Hưng Hòa	15	675	15	675									
84	THPT Vĩnh Lộc	12	540	12	540									
85	THPT Nguyễn Hữu Cánh	14	630	14	630									
86	THPT Bình Tân	14	630	14	630									
87	THPT Tân Túc	15	675	15	675									
88	THPT Bình Chánh	15	675	15	675									
89	THPT Đa Phước	13	585	13	585									
90	THPT Năng khiếu TDTT Huyện Bình Chánh	12	525	11	495					1	30	NK TDTT.		
91	THPT Lê Minh Xuân	15	675	15	675									
92	THPT Phong Phú	15	675	15	675									
93	THPT Vĩnh Lộc B	13	585	13	585									
94	THPT Cù Chi	15	675	15	675									
95	THPT An Nhơn Tây	10	450	10	450									
96	THPT Phú Hòa	11	540	11	540									
97	THPT Quang Trung	11	495	11	495									
98	THPT Trung Phú	15	675	15	675									
99	THPT Tân Thông Hội	12	540	12	540									
100	THPT Trung Lập	9	405	9	405									
101	THPT Bà Điểm	15	675	15	675									
102	THPT Nguyễn Hữu Tiến	12	540	12	540									
103	THPT Hồ Thị Bi	15	675	15	675									
104	THPT Lý Thường Kiệt	13	585	13	585									
105	THPT Nguyễn Hữu Cẩu	16	700	14	630			2	70					
106	THPT Phạm Văn Sáng	16	720	16	720									
107	THPT Nguyễn Văn Cừ	12	540	12	540									
108	THPT Dương Văn Dương	12	540	12	540									
109	THPT Long Thới	8	360	8	360									
110	THPT Phước Kiển	12	540	12	540									

STT	Tên đơn vị	Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2021-2022		Trong đó:									Ghi chú	
				Lớp 10 thường		Lớp 10 Song ngữ, NN1 tiếng Đức		Lớp 10 tích hợp		Lớp 10 chuyên, năng khiếu TDTT				
		Tổng số lớp 10	Tổng số HS lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu		
111	THPT Cần Thạnh	8	320	8	320									
112	THPT An Nghĩa	8	360	8	360									
113	THPT Bình Khánh	7	280	7	280									
114	THCS và THPT Thạnh An	1	45	1	45									

* Ghi chú: Trường tuyển sinh Ngoại ngữ 1, Ngoại ngữ 2 thực hiện theo Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2021-2022.

